

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

“Dự thảo”

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số

.../BC-HĐND ngày .. tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Việc phân bổ vốn đảm bảo không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

4. Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG

Điều 4. Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng thôn, xã

- a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1;
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã ATK, xã biên giới: Hệ số 50;
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 và hàng năm; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định đến từng nội dung thành phần và phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã, phường.

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng xã của tỉnh căn cứ theo Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

b) Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN căn cứ theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

c) Số lượng xã biên giới căn cứ theo Phụ lục I và II kèm theo Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

d) Số lượng xã ATK do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang công nhận tại Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 30/12/2025.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Tiêu chí phân bổ: Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh căn cứ vào các tiêu chí:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, nhu cầu vốn thực hiện; nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị.

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc năm 2025.

2. Định mức phân bổ

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại nghị quyết để phân bổ cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; mức phân bổ theo đề xuất nhu cầu thực tế nhưng tối đa không quá 10% (bao gồm vốn đầu tư và kinh phí thường xuyên) kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

Mục 2

QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

1. Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân sách địa phương đối ứng bao gồm vốn bố trí trực tiếp cho Chương trình và vốn bố trí để thực hiện đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh và của xã, phường.

3. Các xã, phường có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình.

Điều 7. Nội dung sử dụng ngân sách tỉnh

1. Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương đã được hỗ trợ cho xã theo tiêu chí, hệ số, định mức quy định tại Điều 3 Nghị quyết này).

2. Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN; ưu tiên hỗ trợ thôn đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS&MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

3. Căn cứ vào đề xuất, nhu cầu của các địa phương, ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo nhu cầu kinh phí để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo; Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH